

順位	氏名	所属	部門	18m	18m	合計	10数	9数	ゼッケン
1	坪倉 結実	米子北	RC	258	258	516	13	22	8a
2	徳永 真優	鳥取商業	RC	255	255	510	14	24	5a
3	實重 えりか	米子南	RC	248	259	507	14	22	1b
4	芦川 莉彩	鳥取商業	RC	238	238	476	8	22	3a
5	白岩 香乃	鳥取商業	RC	237	216	453	3	16	4a
6	辻 蓉子	鳥取商業	RC	208	244	452	5	19	2a
7	福本 佳子	鳥取商業	RC	212	229	441	7	15	7a
8	池口 愛香	倉吉東	RC	192	206	398	7	13	7b
9	建井 晴海	米子南	RC	236	152	388	5	10	5b
10	重山 咲月	鳥取商業	RC	170	206	376	7	9	6a
11	金弦 彩乃	米子南	RC	185	148	333	4	8	2b
12	眞山 彰子	倉吉東	RC	150	156	306	1	8	8b
13	矢倉 奈々	米子南	RC	136	165	301	3	3	4b
14	山尾 亜有美	米子南	RC	105	101	206	1	5	6b
15	福田 菜桜	倉吉東	RC	108	78	186	1	1	9a
16	藤原 由佳	米子南	RC	99	61	160	1	2	3b
17	大熊 梨央奈	鳥取商業	RC	0	0	0	0	0	1a

試合会場: